

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

-----□□□□-----

NGUYỄN HỒNG SƠN

**NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP
NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI, 2025

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Người hướng dẫn khoa dẫn: 1. GS., TS NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

2. PGS., TS TRẦN MẠNH DŨNG

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

**Địa điểm: Phòng bảo vệ Luận án Tiến sĩ Tại nhà Trường
Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.**

Thời gian: Vào hồi giờ ngày ... tháng ... năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.**
- Thư viện Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm một lượng lớn trong tổng số các doanh nghiệp trong một quốc gia, khu vực và trên toàn thế giới. DNNVV là bộ phận quan trọng trong thành phần kinh tế tư nhân và chiếm tỷ lệ lớn trong cộng đồng doanh nghiệp (DN) Việt Nam. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã không ngừng triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hoàn thiện khung pháp lý nhằm đổi mới, tạo động lực cho DN phát triển. Hằng năm, Chính phủ đã ban hành kịp thời các nghị quyết để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn mà các DNNVV đặt ra, như Luật Hỗ trợ DNNVV 2017 số 04/2017/QH14; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 6/6/2017; Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 9/8/2017; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3 tháng 10 năm 2017; Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 15/5/2018... Tuy nhiên, chính bởi quy mô nhỏ, nên hoạt động của khu vực doanh nghiệp này đang gặp khá nhiều khó khăn, như là khả năng tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư vào máy móc, công nghệ hiện đại, phục vụ cho sản xuất, kinh doanh; thiếu kinh nghiệm quản trị điều hành doanh nghiệp; khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường ngay trên thị trường nội địa... Trong thời gian tới, rất cần có những giải pháp hữu hiệu để khu vực doanh nghiệp này, tuy rất năng động, nhưng cũng dễ tổn thương có sự phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới..

Ở Phú Thọ, tính đến năm 2023, trên địa bàn tỉnh hiện có hơn 5.500 doanh nghiệp đang hoạt động. Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ, năm 2023, số DN thực tế hoạt động chỉ chiếm khoảng 70% tổng số DN đăng ký trên địa bàn Tỉnh. Điều này đã gây lãng phí trong đầu tư xây dựng và giảm hiệu quả kinh doanh của DN. Đồng thời, do phát triển phân tán, thiếu định hướng, nên sự ra đời của các DN thiếu tính ổn định và bền vững. Hơn nữa, quy mô sản xuất, kinh doanh của DNNVV còn nhỏ bé, hoạt động thiếu tính chuyên nghiệp, do vậy gặp khó khăn trong việc nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế. Rất ít DN đầu tư dài hạn trong lĩnh vực sản xuất dịch vụ công nghệ cao, sáng tạo..., nên việc kết nối với các DN FDI còn kém, chưa tạo ra nền tảng vững chắc của sự phát triển. Mức độ liên kết, hợp tác thể hiện qua số lượng các hợp

đồng liên kết sản xuất, thầu phụ, hợp đồng tiêu thụ, đại lý, mở chi nhánh... cũng khá hạn chế. Phần lớn nguồn lao động ở khu vực này có trình độ chuyên môn thấp, năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hạn chế.

Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài “**Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Phú Thọ**” làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu tổng quát:

Đề tài nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Mục tiêu cụ thể:

Một là, tổng hợp lý luận cơ bản về năng lực cạnh tranh của DNNVV bao gồm: các khái niệm, lý thuyết về năng lực cạnh tranh của DNNVV, các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của DNNVV và chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng và rút ra bài học cho các DNNVV tỉnh Phú Thọ.

Hai là, phân tích thực trạng quá trình hình thành, hoạt động kinh doanh, sản xuất và thực trạng năng lực cạnh tranh DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ Từ đó đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại và phân tích các nguyên nhân, hạn chế tồn tại. Để có cơ sở phân tích thực trạng và phát hiện những vấn đề còn tồn tại, đề tài sử dụng các bảng khảo sát kết hợp với việc thực hiện khảo sát thực tế tại một số đơn vị điển hình để đánh giá năng lực cạnh tranh DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ Từ các kết quả khảo sát đó, tác giả sẽ đưa ra các đánh giá về ưu nhược năng lực cạnh tranh DNNV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Ba là, trên cơ sở những tồn tại và nguyên nhân dẫn đến tồn tại của năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đề tài sẽ đề xuất các giải pháp khoa học, hợp lý nhằm giúp nâng cao năng lực cạnh tranh DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện gắn với các nhiệm vụ sau:

- (1) Nghiên cứu cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh nói chung và năng lực cạnh tranh của DNNVV nói riêng.
- (2) Nghiên cứu năng lực cạnh tranh của DNNVV trong nước và quốc tế để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV tỉnh Phú Thọ.
- (3) Phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019 – 2023.
- (4) Phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019 – 2023.
- (5) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Câu 1: Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bao gồm những nội dung chủ yếu nào? Tiêu chí đánh giá chúng như thế nào? và nhân tố nào ảnh hưởng đến NLCT của DN, trong đó có DNNVV?

Câu 2: Thực trạng NLCT của các DNNVV tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019 – 2023 như thế nào? Kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế như thế nào?

Câu 3: Các giải pháp nào được đề xuất nhằm nâng cao NLCT của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ?

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Đề tài tập trung nghiên cứu về năng lực cạnh tranh của các DNNVV.

- **Phạm vi nghiên cứu:**

Phạm vi về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu về năng lực cạnh tranh của DNNV ở Việt Nam trên các khía cạnh về: Khả năng duy trì và phát triển thị phần của doanh nghiệp; Năng lực cạnh tranh của sản phẩm; Năng lực sản xuất kinh doanh; Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn, đảm bảo an toàn vốn; Năng lực quản trị doanh nghiệp; Năng lực ứng dụng công nghệ của DNNVV.

Phạm vi về thời gian: Luận án nghiên cứu, khảo sát, thu thập số liệu, hệ thống DNNVV trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2023.

Phạm vi về không gian: Luận án sẽ lựa chọn khảo sát trên 30 DNNVV tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (Phụ lục 2).

Phạm vi về khách thể khảo sát: Luận án tiến hành khảo sát ý kiến của 455 chủ DN, chủ tịch Hội đồng quản trị, kế toán viên thuộc 30 DNNVV.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Dữ liệu nghiên cứu

** Dữ liệu thứ cấp:* luận án tiến hành thu thập từ các nguồn:

- Nguồn dữ liệu được công bố công khai là BCTC của DNNVV bao gồm: Báo cáo tài chính năm (đã kiểm toán), báo cáo thường niên, các báo cáo tài chính giữa niên độ, bản cáo bạch, báo cáo kiểm toán, báo cáo ban kiểm soát, báo cáo Hội đồng quản trị...

- Tổng hợp nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước:

- Tham khảo các phân tích của các chuyên gia trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Các luận án tiến sĩ đã được công bố, các bài báo khoa học đã đăng trên các tạp chí có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

** Dữ liệu sơ cấp:*

Dữ liệu sơ cấp thu thập được bằng việc tác giả thông qua điều tra bằng phiếu khảo sát.

Dữ liệu sơ cấp gồm 2 phần, phần 1 là các câu hỏi mở liên quan đến các vấn đề về loại hình DN, lĩnh vực hoạt động, thị trường kinh doanh, lao động, doanh thu, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu của DN ... Phần 2 là các quan điểm đánh giá của họ về các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của DNNVV. Ở phần này để định hướng cho người được phỏng vấn, tác giả đã thiết kế phiếu khảo sát với các câu hỏi với 5 mức từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý với các quan điểm hoặc nhận định đưa ra. Đối tượng gửi phiếu khảo sát là gồm: Phiếu khảo sát dành cho đối tượng là chủ DN, kế toán DN và phỏng vấn sâu.

6.2 Xử lý dữ liệu

Đề tài này được thực hiện dựa trên sự kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và định tính. Các kỹ thuật cụ thể bao gồm:

- **Phân tích và tổng hợp thông tin:** Phân tích và tổng hợp thông tin thứ cấp từ các nguồn tài liệu sẵn có trong nước và quốc tế về các nội

dung liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Tác giả tiến hành thu thập, phân tích, so sánh và đánh giá một số nghiên cứu về năng lực cạnh tranh của DNNV để hình thành khung lý thuyết cơ bản của luận án. Qua đó, kết hợp với phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh để chỉ ra các ưu điểm, hạn chế của năng lực cạnh tranh DNNV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

- Điều tra: Dựa trên hệ thống nhân tố đã được xác định về mặt lý thuyết, tác giả thiết kế bảng câu hỏi để thực hiện khảo sát nhận thức và đánh giá từ phía chủ DN, kế toán thuộc các DNNVV, về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới năng lực cạnh tranh DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Mục đích khảo sát: Nhằm tìm hiểu thực trạng năng lực cạnh tranh DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Đối tượng khảo sát: Là chủ DN, kế toán viên.

Nội dung khảo sát: Khả năng duy trì và phát triển thị phần của DN; Năng lực cạnh tranh của sản phẩm; Năng lực sản xuất kinh doanh; Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn, đảm bảo an toàn vốn; Năng lực quản trị DN; Năng lực ứng dụng công nghệ của DNNVV.

Cách thức khảo sát: Tác giả có thể khảo sát bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp hoặc gửi cho các DN bằng thư điện tử, đường bưu điện, dos.google.com

Cấu trúc phiếu: Nội dung các phiếu khảo sát đều được chia thành 3 phần

Phần 1: Thông tin chung về đề tài nghiên cứu.

Phần 2: Thông tin về đối tượng được khảo sát

Phần 3: Câu hỏi khảo sát.

- Đánh giá năng lực cạnh tranh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Kỹ thuật so sánh

Kỹ thuật loại trừ

Kỹ thuật tỷ lệ

Kỹ thuật đồ thị

Kỹ thuật phân tích theo mô hình Dupont

7. Đóng góp của đề tài

Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần làm rõ lý luận và thực tiễn của năng lực cạnh tranh DNNV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ với những đóng góp sau:

- Luận án đã đưa ra quan điểm mới về cơ sở lý luận cơ bản đối với nội dung năng lực cạnh tranh của DN: khái niệm, nội dung, các tiêu chí đánh giá, các nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của DN. Đặc biệt, luận án đã đưa ra các phạm trù năng lực cạnh tranh tổng thể và năng lực cạnh tranh cho sự tăng trưởng của DNNVV, chỉ ra quan hệ hữu cơ giữa năng lực cạnh tranh nội sinh và sự tăng trưởng bền vững của DN. Đây là đóng góp mới quan trọng về mặt lý luận của luận án.

- Luận án đã khái quát kinh nghiệm một số nước trên thế giới và một số tỉnh ở Việt Nam và rút ra những bài học kinh nghiệm cho tỉnh Phú Thọ trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV.

- Luận án đã đánh giá được một số ưu điểm, hạn chế về thực trạng năng lực cạnh tranh của DNNV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời gian từ năm 2019 đến 2023 trên các nội dung và theo các tiêu chí đánh giá về năng lực cạnh tranh của DN. Đồng thời đã chỉ ra một số nguyên nhân cơ bản bên trong và bên ngoài DN của những tồn tại trên.

- Đề xuất một số giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong thời gian tới.

8. Kết cấu của đề tài

Luận án được kết cấu thành 4 chương

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng hợp các nghiên cứu về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1. Các nghiên cứu quốc tế

- Nghiên cứu về năng lực cạnh tranh
- Nghiên cứu về tầm quan trọng của các DNNVV
- Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến NLCT của DNNVV.
- Nghiên cứu về các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của DNNVV.

1.1.2. Các nghiên cứu trong nước

- Nghiên cứu về năng lực cạnh tranh
- Nghiên cứu về vai trò của DNNVV trong nền kinh tế thị trường
- Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến NLCT của DN
- Nghiên cứu về các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của DN
- Nghiên cứu về giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV

1.2. Nhận xét các công trình và định hướng nghiên cứu

1.2.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, các tác giả đã nghiên cứu và từng bước làm rõ một số vấn đề lý luận chung về NLCT, NLCT của DN

Thứ hai, đã có một số nghiên cứu đề cập đến vai trò của DNNVV đối với nâng cao NLCT, NLCT của DN.

Thứ ba, ở Việt Nam, một số công trình đã bước đầu nghiên cứu tổng quan thực trạng ngành NLCT, NLCT của DN trong quá trình phát triển của một số ngành CN điển hình.

Thứ tư, các công trình đã đề cập đến phát triển NLCT, NLCT của DN ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ năm: Các nghiên cứu đã chỉ rõ được vai trò của DNNVV và nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến NLCT của DN; các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh của DN.

1.2.2. Hạn chế của các nghiên cứu trước

Các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của DNNVV chưa phản ánh đầy đủ, phù hợp với tính chất của một DNNVV hiện đại, xu thế phát triển hiện nay của DNNVV Việt Nam; Các tiêu chí đưa ra nhiều nhưng riêng rẽ, chưa có đánh giá tổng quát vị thế cạnh tranh của một DNNVV so với các DNNVV còn lại vì năng lực cạnh tranh, vị thế cạnh tranh của mỗi DNNVV đạt được là do sự kết hợp của nhiều tiêu chí khác nhau. Các đánh giá đa phần mang tính chủ quan, thiếu kết quả khảo sát thực tế từ khách hàng – là đối tượng có đánh giá khách quan về năng lực cạnh tranh của DNNVV và phản ánh đúng nhất sự phù hợp của năng lực cạnh tranh DNNVV đối với xu hướng thị trường. Đối với các nhân tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh, đa phần các nghiên cứu mới chỉ quan tâm đến các nhân

tổ nội tại còn việc phân tích nguồn gốc làm nên các nhân tố đó không được phân tích, lượng hoá một cách cụ thể, khoa học.

1.2.3. Định hướng nghiên cứu

Từ “Khoảng trống” trong các nghiên cứu trên đây, NCS cho rằng, cần tập trung nghiên cứu các vấn đề sau đây:

- Về lý luận, cần làm rõ hơn và bổ sung các vấn đề sau: Phân tích chi tiết hơn cơ sở khi đưa ra quan niệm về NLCT, nâng cao NLCT của DNNVV. Làm rõ hơn nội dung, tiêu chí năng lực cạnh tranh của DNNVV. Hoàn thiện hơn nội dung và cách tiếp cận khi phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của DNNVV.

- Về thực tiễn, cần tập trung nghiên cứu về vai trò của DNNVV đối với phát triển kinh tế của tỉnh Phú Thọ vô cùng quan trọng, từ đó đề xuất các quan điểm, các giải pháp nói chung và các giải pháp nâng cao NLCT của DNNVV.

Như vậy, với những phân tích trên cho thấy, đề tài mang tính thời sự và có ý nghĩa kể cả về lý luận cũng như thực tiễn đối với nâng cao NLCT của DNNVV của tỉnh Phú Thọ và góp phần phát triển kinh tế cho địa phương. Nội dung nghiên cứu được mở rộng và sâu hơn, như vậy không có sự trùng lặp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu của các công trình trước đó. Nghiên cứu đặc biệt có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.1.1. Khái niệm

Các tiêu chí xác định DNNVV đã được quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, như sau: “1. DNNVV gồm DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây: a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng. c) DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ”

2.1.2. Đặc điểm

Thứ nhất, DNNVV là cơ sở sản xuất kinh doanh độc lập, tồn tại dưới các hình thức kinh doanh khác nhau.

Thứ hai, DNNVV có quy mô nhỏ và số lượng lao động ít.

2.1.3. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu gay gắt như hiện nay, các nước luôn chú trọng hỗ trợ các DNNVV nhằm huy động tối đa các nguồn lực, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm. Cả về mặt lý luận và thực tiễn cho thấy DNNVV có vị trí khá quan trọng ở nhiều nước trên thế giới, bởi vì DNNVV góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội.

2.2 Năng lực cạnh tranh và tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.2.1. Khái quát về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

2.2.1.1 Khái niệm cạnh tranh

Trong khuôn khổ luận án này, tác giả cho rằng, cạnh tranh được hiểu là “*sự ganh đua giữa các chủ thể kinh tế theo nhiều phương thức khác nhau trong một thị trường nhất định nhằm kiểm soát được các điều kiện kinh doanh thuận lợi hơn để có thể thu được lợi nhuận tối đa*”.

2.2.1.2. Năng lực cạnh tranh:

Theo quan điểm của tác giả thì khái niệm về NLCT của DNNVV được hiểu như sau: *Năng lực cạnh tranh của DNNVV là việc khai thác, sử dụng các yếu tố năng lực của DN để duy trì và tạo ra lợi thế cạnh tranh nhằm đạt được kết quả hoạt động kinh doanh cao hơn so với đối thủ và thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh.*

2.2.1.3 Phân biệt năng lực cạnh tranh và lợi thế cạnh tranh

- **Lợi thế cạnh tranh:** “Lợi thế cạnh tranh là khả năng mà DN có thể tạo ra giá trị của sản phẩm và dịch vụ cao hơn cho khách hàng so với sản phẩm tương đương của đối thủ cạnh tranh.”

- **Phân biệt năng lực cạnh tranh và lợi thế cạnh tranh:** Năng lực cạnh tranh là khả năng tổng hợp của DN trong việc thực hiện các hoạt động kinh doanh, trong khi lợi thế cạnh tranh là điểm mạnh hoặc đặc điểm độc đáo giúp DN nổi bật và chiếm lĩnh thị trường. Năng lực cạnh

tranh là cơ sở để tạo ra lợi thế cạnh tranh và đạt được thành công trong môi trường kinh doanh.

2.2.2. Khung năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Một trong những khung năng lực cạnh tranh phổ biến là “Khung năng lực cạnh tranh của Hamel và Prahalad” Hamel và Prahalad (1990). Theo khung này, năng lực cạnh tranh của DN được chia thành các yếu tố chính sau: Năng lực cơ bản (Core Competencies). Năng lực hỗ trợ (Supporting Competencies). Năng lực tiềm năng (Potential Competencies)

2.2.3 Đặc điểm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Đặc điểm năng lực cạnh tranh của DNNVV như sau: Tính linh hoạt, chi phí sản xuất thấp, tập trung vào khách hàng, tốc độ đáp ứng nhanh, sáng tạo.

2.2.4 Các yếu tố thể hiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

2.2.4.1 Quy mô doanh nghiệp

2.2.4.2 Chiến lược kinh doanh

2.2.4.3 Quản lý và điều hành

2.2.4.4 Nguồn cơ sở vật chất, kỹ thuật

2.2.4.5 Chất lượng nguồn nhân lực

2.2.4.6 Chi phí sản xuất kinh doanh

2.2.5. Các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

2.2.5.1. Khả năng duy trì và phát triển thị phần của doanh nghiệp

2.2.5.2. Năng lực cạnh tranh của sản phẩm

2.2.5.3. Năng lực sản xuất kinh doanh

2.2.5.4. Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn, đảm bảo an toàn vốn

2.2.5.5. Năng lực quản trị doanh nghiệp

2.2.5.6. Năng lực ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.3.1. Nhân tố khách quan

a. Môi trường kinh doanh

b. Chính sách, pháp luật của Nhà nước

a. Cơ sở hạ tầng

2.3.2. Nhân tố chủ quan

a. Nguồn nhân lực của DNNVV

- b. Nguồn lực tài chính của DNNVV*
- b. Năng lực Marketing của DNNVV*
- d. Trình độ về công nghệ - kỹ thuật của DNNVV*
- e. Uy tín của DNNVV*

2.4. Kinh nghiệm của một số quốc gia về nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa

2.4.1. Kinh nghiệm quốc tế

2.4.1.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

2.4.1.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

2.4.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

2.4.2. Kinh nghiệm trong nước

- Hoàn thiện môi trường kinh doanh; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng và thuận lợi cho các loại hình DN.
- Phát triển hệ thống tài chính để các DN dễ dàng tiếp cận các nguồn tài chính hơn.
- Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ DNNVV.

2.4.3. Bài học kinh nghiệm rút ra

Thứ nhất, đẩy mạnh hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế chính sách đối với DNNVV.

Thứ hai, UBND tỉnh cần tiếp tục việc thực hiện các chính sách nhằm cải thiện môi trường cạnh tranh kinh doanh để thúc đẩy sự phát triển của DNNVV.

Thứ ba, UBND tỉnh cần tăng cường chính sách hỗ trợ tài chính và tạo điều kiện để các DNNVV tiếp cận được các hình hỗ trợ tài chính của Chính phủ như các Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Thứ tư, sử dụng công cụ thuế như là công cụ tài chính quan trọng trong việc hỗ trợ tài chính với DNNVV.

Thứ năm, hoàn thiện và bảo đảm thực thi minh bạch, hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV.

Thứ sáu, tiếp tục đổi mới cơ chế và chính sách để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của DNNVV.

Thứ 7: Chính quyền huyện, tỉnh cần có chính sách khuyến khích vốn đầu tư phù hợp, phân ngành, địa bàn, lĩnh vực ưu tiên.

Thứ tám: Tỉnh cần hỗ trợ về mặt tài chính đối với các DNNVV

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

3.1. Khái quát về sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Phú Thọ

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

3.1.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên tỉnh Phú Thọ

3.1.1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ

3.1.1.2. Hình thành và phát triển của DNNVV tỉnh Phú Thọ

Trong giai đoạn 2019 – 2023, năm 2023 là năm có số lượng doanh nghiệp được thành lập mới và quay trở lại hoạt động nhiều nhất với 966 DN được đăng ký thành lập mới và 323 DN quay trở lại hoạt động. Nguyên nhân được lý giải là do năm 2023, các DN đã vượt qua được khủng hoảng dịch bệnh và quay trở lại hoạt động bình thường.

3.1.2. Số lượng và tổng giá trị tài sản

3.1.2.1. Số lượng DNNVV

DN của Tỉnh Phú Thọ đại đa số là các DN nhỏ và siêu nhỏ. Theo bảng dưới đây cho thấy DN siêu nhỏ và DN nhỏ đang chiếm ưu thế, năm 2019 tổng số DN siêu nhỏ và DN nhỏ chiếm 92,82%, đến năm 2023 chiếm 94,32% trong tổng số DN toàn Tỉnh.

3.1.2.2. Tổng giá trị tài sản của DNNVV

Tổng tài sản của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có xu hướng tăng dần qua các năm trong giai đoạn 2019 – 2023. Giai đoạn 2022-2023, tổng giá trị tài sản tăng lên lần lượt 5,06% vào năm 2022 và 11,52% vào năm 2023 đạt 19.081 tỷ đồng. Đây là thành quả của sự nỗ lực vô cùng lớn từ phía bản thân DN và UBND tỉnh.

3.1.3. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh

3.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

DNNVV hoạt động trong lĩnh vực Nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng nhỏ nhất (dưới 2%), tiếp theo là lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng (Khoảng 40%) và tỷ trọng lớn nhất là DN dịch vụ với khoảng dưới 60%. Cơ cấu DN phân bổ như trên là phù hợp với xu thế phát triển chung của thị trường.

3.1.3.2 . Số lượng lao động đang làm việc trong DNNVV tại Phú Thọ

Theo số liệu điều tra của Cục Thống kê tỉnh thì số lượng lao động hoạt động trong DNNVV những năm gần đây đều tăng, DNNVV đã và đang tạo việc làm cho khoảng 60% lao động của tỉnh.

3.1.3.4. Hiệu quả hoạt động của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các DNNVV của tỉnh nói riêng tuy chưa cao nhưng đã được cải thiện hơn so với trước đây. Năm 2023, số DNNVV ở tỉnh Phú Thọ kinh doanh có lãi là 2.997 DN, đạt 53,83%, số DN kinh doanh lỗ là 2.185 DN, tương ứng với 39,24% và có 6,93% DN kinh doanh hòa vốn, tương ứng với 386 DN.

3.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Để có cái nhìn tổng thể và khách quan hơn về NLCT của các DNNVV tỉnh Phú Thọ, tác giả đã tiến hành nghiên cứu, phỏng vấn bằng bảng hỏi đối với 455 nhân sự thuộc 30 DNNVV dựa trên 06 tiêu chí nhằm đánh giá năng lực cạnh tranh của DNNVV tỉnh Phú Thọ.

3.2.1. Khả năng duy trì và phát triển thị phần của doanh nghiệp

NLCT của DNNVV tỉnh Phú Thọ khi đánh giá tiêu chí “Khả năng duy trì và phát triển thị phần” là chưa cao khi thị phần của các DNNVV còn hạn chế cả về mức độ phủ rộng và chất lượng, đối tượng khách hàng chủ yếu của DN còn mang tính thời điểm, thiếu tính lâu dài và ổn định, khâu chọn lựa phân khúc thị trường phù hợp còn chưa được quan tâm đúng đắn. Kết quả điều tra của tác giả cho thấy Khả năng duy trì và phát triển thị phần của DNNVV được khảo sát ở mức trung bình, số điểm bình quân của từng chỉ tiêu trong thang đo dao động trong khoảng từ 2,49 đến 3,84; giá trị bình quân đạt 2,99 điểm.

3.2.2. Năng lực cạnh tranh của sản phẩm

3.2.2.1. Chất lượng sản phẩm

Nhìn chung, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của các DNNVV tỉnh Phú Thọ còn nhiều hạn chế khi chất lượng sản phẩm dịch vụ của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đang ở mức trung bình, chất lượng sản phẩm của các DNNVV vẫn chưa thực sự ổn định, việc quản lý chất lượng còn lỏng lẻo, sơ sài.

3.2.2.2. Giá cả sản phẩm

Trong giai đoạn 2019 – 2023, dưới sự ảnh hưởng của dịch COVID-19, ngành vận tải đình trệ, tắc nghẽn bởi các chỉ thị giãn cách xã hội của Chính phủ, nguồn nguyên liệu đầu vào khan hiếm, DN sản xuất bị giảm sút, thiếu đơn hàng, lượng hàng tồn kho lớn do phải tập trung ưu tiên phòng chống dịch, các hoạt động thương mại, du lịch, vận tải có thời điểm phải tạm dừng, đóng cửa, giảm quy mô cũng ảnh hưởng nhiều đến sự ổn định giá cả hàng hóa, dịch vụ của tỉnh trong thời gian này. Hầu hết các sản phẩm của DNNVV của tỉnh Phú Thọ đều được tiêu dùng nội tỉnh, nên chỉ số giá tiêu dùng cũng sẽ phản ánh được phần nào sự ổn định giá cả của các DN này.

3.2.2.3. Đa dạng và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh đang quản lý 391 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản. Đối với lĩnh vực dịch vụ, tại tỉnh Phú Thọ, các loại hình dịch vụ, thương mại thể mạnh như du lịch, vận tải, logistics đi đôi tăng cường các dịch vụ tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin đang được nâng cao chất lượng, đổi mới từng ngày. Trong lĩnh vực công nghiệp, các DNNVV cũng cố gắng đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, đầu tư máy móc công nghệ để đa dạng hóa các sản phẩm, phục vụ nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng.

3.2.2.4. Bao bì, mẫu mã sản phẩm

Chỉ 1 số ít sản phẩm mang tính đặc trưng của Phú Thọ mới có mẫu mã riêng như bưởi Đoan Hùng, một số công ty hóa chất hay sản xuất công nghiệp hỗ trợ, xây dựng tại Phú Thọ.

3.2.2.5. Uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp

Tại tỉnh Phú Thọ có một số DN bước đầu tạo được uy tín, chất lượng trong lòng khách hàng và xây dựng thương hiệu riêng cho mình. Các DNNVV đã có chiến lược xây dựng thương hiệu riêng cho mình, nhưng xây dựng và bảo hộ thương hiệu cũng chưa được quan tâm.

Phân tích từng chỉ tiêu trong thang đo cho thấy hầu hết các DNNVV được khảo sát đều cho rằng năng lực cạnh tranh của sản phẩm của DN mình hiện nay chỉ ở mức trung bình. Chỉ tiêu “*Sản phẩm của DN có chất lượng tốt*” ĐTB = 3,82 điểm, đứng thứ nhất và chỉ tiêu “*Sản phẩm của DN đa dạng và DN thường xuyên phát triển sản phẩm*”

mới” với ĐTB = 3,48 điểm đứng thứ 2. Điều này có nghĩa là chất lượng cùng với sự đa dạng của sản phẩm của các DNNVV được đánh giá là có năng lực cạnh tranh khá tốt.

3.2.3. Năng lực sản xuất kinh doanh

Năng suất lao động (đồng) có xu hướng tăng trong vòng 05 năm từ năm 2019 đến 2023. Năm 2023, năng suất lao động thấp nhất tăng thêm 52.40% lên 1.487.342 đồng/người/năm, năng suất lao động cao nhất tăng lên 127.266.058.604 đồng/người/năm tương ứng với 21,20%, năng suất lao động trung bình tăng thêm 933.550.492 đồng/người/năm lên 3.797.202.309 đồng/người/năm. Hiệu suất sử dụng vốn (đồng) của DNNVV cũng tăng trong giai đoạn này. Năm 2023, hiệu suất sử dụng vốn thấp nhất là 175,26 đồng, cao nhất là 234,38 đồng, trung bình là 4,40 đồng nghĩa là một đồng vốn bỏ ra thu về 4,4 đồng doanh thu, tăng 1,05 đồng so với năm 2019.

Về năng suất sử dụng toàn bộ tài sản, có thể thấy năng suất sử dụng toàn bộ tài sản của các DNNVV trong 5 năm từ 2019 đến 2023 có chiều hướng giảm. Về năng lực sản xuất của DN, kết quả điều tra của tác giả cho thấy năng lực này của các DN được khảo sát ở mức trung bình với số điểm bình quân của từng chỉ tiêu trong thang đo dao động trong khoảng từ 2,26 đến 3,61 điểm; giá trị bình quân đạt 2,75 điểm. Phân tích từng chỉ tiêu trong thang đo cho thấy hầu hết các DNNVV đều cho rằng năng lực sản xuất của DN mình hiện nay chỉ ở mức trung bình.

3.2.4. Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn và bảo đảm an toàn vốn

3.2.4.1. Quy mô nguồn vốn của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Đa phần các DNNVV trên địa bàn thành phố có quy mô vốn còn nhỏ; qua điều tra của cục Thống kê tỉnh Phú Thọ, cho thấy: DN có quy mô vốn dưới 10 tỉ đồng chiếm 76,54%; quy mô vốn từ 10-50 tỉ đồng chiếm 21,96% và chỉ có 1,49% DN có vốn từ 50-100 tỉ đồng. Chính vì quy mô vốn nhỏ đã giảm lợi thế cạnh tranh.

3.2.4.2. Tốc độ tăng trưởng vốn của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Vốn đầu tư của các DN ở tỉnh Phú Thọ đều tăng dần qua các năm, trong đó vốn đầu tư của khu vực DN ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhất. Vốn đầu tư của khu vực này tăng từ hơn 16 nghìn tỷ đồng năm 2019 lên hơn 22 nghìn tỷ đồng năm 2023, tăng gần 1,5 lần

chỉ sau 5 năm, tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn này là 8,49%. Quy mô vốn của khu vực DN nhà nước cũng có tăng trưởng trung bình 6,62% trong vòng năm năm từ 5.493.046 năm 2019 triệu đồng lên 7.083.729 năm 2023. Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng quy mô vốn lớn nhất khi tăng bình quân 10,98%/năm trong giai đoạn này.

3.2.4.3. Khả năng huy động vốn của DNNVV tỉnh Phú Thọ

Cũng như các DNNVV trong cả nước, DNNVV tại tỉnh Phú Thọ còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng. Tỷ lệ DNNVV được tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng trên địa bàn chỉ đạt khoảng 35,69%. Điều đó cho thấy, một lượng lớn DNNVV tiềm năng vẫn chưa có cơ hội để phát triển, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, chính quyền địa phương và của hệ thống ngân hàng chưa vực dậy được khu vực kinh tế tư nhân này.

3.2.4.4. Khả năng thanh toán của DN

Chỉ có 6,37% người được khảo sát cho rằng DN mình có khả năng thanh toán nhanh rất tốt, tức là DN luôn luôn có sẵn tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và các khoản tương đương tiền để sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khi cần. Có khoảng 10,33% người được hỏi cho rằng khả năng thanh toán nhanh của DN mình ở mức khá, tức là DN thường xuyên có khả năng thanh toán đúng hạn các nghĩa vụ nợ của mình bằng nguồn tài chính sẵn có. Tỷ lệ người được hỏi đánh giá khả năng thanh toán của DN mình ở mức trung bình là 45,49%. Có 28,57% người được hỏi đánh giá khả năng thanh toán của DN ở mức Yếu và 6,37% ở mức Kém, điều này cho thấy các DN này đang có nguy cơ mất khả năng thanh toán hay DN hoạt động kém hiệu quả, các khoản nợ có thể không được đảm bảo chi trả đúng hạn. Từ đó làm giảm uy tín DN và có thể dẫn đến phá sản nếu DN mất khả năng thanh toán.

3.2.5. Năng lực quản trị doanh nghiệp

Số lượng nhân lực quản trị

Theo số liệu điều tra hàng năm của Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ, tổng số NNL quản trị DN vừa năm 2019 là 10.737 người và đến năm 2023 tăng lên với số lượng là 14.502 người. Nguồn nhân lực quản trị có xu hướng tăng do số lượng các DNNVV tăng. Từ năm 2019 đến năm

2023, nguồn nhân lực quản trị trong DNNVV tăng 4.497 người tương ứng với 141.8%.

Trình độ của nguồn nhân lực quản trị

Số lượng nhân lực có trình độ đại học và trên đại học năm 2019 chiếm 5,84% tương đương với 627 người, đến năm 2023, tỷ lệ này là 9,82% tương ứng với 1.496 người. Trình độ cao đẳng và trung cấp là 36,17% năm 2019 và 37,88% năm 2023. Như vậy, trình độ của NNL quản trị còn thấp, sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình hội nhập, nhất là khi cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra trên quy mô toàn cầu và tác động trực tiếp tới nền kinh tế Việt Nam.

Năng lực quản trị của nguồn nhân lực

Kết quả điều tra của tác giả cho thấy năng lực tổ chức của các DNNVV được khảo sát ở mức trung bình, số điểm bình quân của từng chỉ tiêu trong thang đo dao động trong khoảng từ 2,41 đến 3,51; giá trị bình quân đạt 2,96 điểm.

3.2.6. Năng lực ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Qua khảo sát các tiêu chí về năng lực ứng dụng công nghệ của DN, kết quả điều tra của tác giả cho thấy năng lực này của các DN được khảo sát ở mức trung bình với số điểm bình quân của từng chỉ tiêu trong thang đo dao động trong khoảng từ 2,18 đến 3,76; giá trị bình quân đạt 2,94 điểm. Phân tích từng chỉ tiêu trong thang đo cho thấy hầu hết các DNNVV được khảo sát đều cho rằng năng lực tiếp cận và đổi mới công nghệ của DN hiện nay ở mức trung bình, điều này được thể hiện qua việc mặc dù DN luôn coi trọng việc đầu tư và nghiên cứu và đổi mới công nghệ nhưng do DN gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn để tiếp cận và đổi mới công nghệ nên năng lực tiếp cận và đổi mới công nghệ của DN còn khá thấp.

Chuyển đổi số trong DNNVV tỉnh Phú Thọ: Thực tế cho thấy, chuyển đổi số của DN trên địa bàn tỉnh hiện nay còn nhiều khó khăn. Để thích nghi với nền kinh tế số, DN bắt buộc phải chuyển đổi số và quá trình này không chỉ diễn ra trong một sớm, một chiều cũng như đi kèm với nó là số kinh phí đầu tư không hề nhỏ.

3.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến NLCT của DN lần lượt là “*Môi trường kinh doanh*” (ĐTB = 4,16 điểm) “*Chính sách pháp luật của Nhà nước*” (3,87 điểm) “*Cơ sở hạ tầng*” (3,76 điểm). Tuy các yếu tố này có ảnh hưởng đến NLCT của DNNVV tuy nhiên chỉ là các yếu tố khách quan bên ngoài, DN không thể thay đổi được. Yếu tố “*Nguồn lực tài chính*” là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến DN được khảo sát với ĐTB = 4,82 điểm, điều này là hoàn toàn phù hợp với thực tế chung hiện nay bởi đối với DNNVV. Sau năng lực tài chính là yếu tố “*Nguồn lực con người*” và “*Cơ sở vật chất và kỹ thuật công nghệ*” là các yếu tố ảnh hưởng tiếp theo đến NLCT của DNNVV với ĐTB lần lượt là 4,79 và 4,68 điểm. Con người và máy móc, thiết bị công nghệ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm của DN, một yếu tố vô cùng quan trọng trong NLCT của DN. Đứng tiếp theo là yếu tố “*Thương hiệu*” và “*Năng lực Marketing*” với ĐTB lần lượt là 4,58 điểm và 4,53 điểm.

3.3.1 Nhóm nhân tố khách quan

3.3.1.1 Môi trường kinh doanh

3.3.1.2 . Chính sách pháp luật của Nhà nước

3.3.1.3. Cơ sở hạ tầng

3.3.2 Nhóm nhân tố chủ quan

3.3.2.1. Nguồn nhân lực của DNNVV

3.3.2.2. Nguồn lực tài chính của DNNVV

3.3.2.3. Năng lực Marketing

3.3.2.4. Trình độ về công nghệ - kỹ thuật của DNNVV

3.3.2.5. Uy tín thương hiệu của DNNVV

3.4. Đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3.4.1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2019 – 2023, năng lực cạnh tranh của các DNNVV tỉnh Phú Thọ đã đạt được nhiều thành tựu như:

Thứ nhất, tỉnh Phú Thọ đã và đang thực hiện nhiều đề án, chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển DNNVV trên đại bàn tỉnh Phú Thọ.

Thứ hai, số lượng DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã tăng lên hàng năm, doanh thu và lợi nhuận của các DNNVV cũng đã tăng lên trong những năm qua.

Thứ ba, các DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã tự nâng cao NLCT của mình bằng việc phát triển sản phẩm cả về số lượng và chất lượng.

Thứ tư, các DNNVV đã tích cực tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ và tham gia các hiệp hội DN để tiếp cận thông tin, công nghệ mới.

Thứ năm, bên cạnh các lợi ích mà DN được hưởng từ chính sách của Nhà nước, tình thì trách nhiệm của DN là đóng thuế đầy đủ và kịp thời cũng đã được DN thực hiện tương đối tốt và đây cũng là một trong những tiêu chí đánh giá năng lực của DN.

3.4.2. Hạn chế

Bên cạnh các kết quả khả quan đã đạt được, năng lực cạnh tranh của các DNNVV còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, thị phần của các DNNVV còn hạn chế cả về mức độ phủ rộng và chất lượng.

Thứ hai, Năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của các DNNVV tỉnh Phú Thọ còn nhiều hạn chế.

Thứ ba, nhiều DNNVV có năng lực sản xuất còn tồn tại nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu các đơn hàng có giá trị lớn và dài hạn.

Thứ tư, nguồn lực về tài chính tuy được cải thiện, nhưng vẫn còn yếu đã số các DNNVV trên địa bàn tỉnh hiện nay đang còn thiếu vốn để sản xuất kinh doanh.

Thứ năm, năng lực quản trị của DNNVV còn nhiều hạn chế.

Thứ sáu, các DNNVV đã có nhiều cố gắng trong việc áp dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh của mình, tuy nhiên công nghệ còn lạc hậu, thiếu vắng các thiết bị công nghệ cao, sáng tạo, hiệu quả cao.

3.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

Các nguyên nhân chủ yếu như sau:

Thứ nhất, việc thực thi các văn bản vẫn còn chậm trễ, chưa đi vào thực tiễn. Có những văn bản chưa thực sự rõ ràng dẫn đến các DN chưa được hưởng.

Thứ hai, do hạn chế về mặt thông tin các DNNVV tiếp cận được dẫn tới việc thông tin chính thống về các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, của Tỉnh, các thông tin về thị trường, đối thủ cạnh tranh khiến các DNNVV nhận được còn thiếu, không đầy đủ, không hữu ích.

Thứ ba, do thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ cao khiến DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận các công nghệ tiên tiến để nâng cao trình độ sản xuất, lao động...

Thứ tư, do quy mô DNNVV còn nhỏ, nguồn vốn của DNNVV còn hạn chế dẫn tới DN thiếu vốn để tiến hành các cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa chi phí sản xuất, nâng cao năng suất sản xuất, hạ giá thành, đổi mới công nghệ, nghiên cứu và mở rộng thị trường.

Thứ năm, do DNNVV còn thiếu kỹ năng tiếp thị và quảng bá sản phẩm, hoặc không có mạng lưới phân phối đủ rộng.

Thứ sáu, do hạn chế về mặt thông tin cũng như trình độ quản lý của chủ DN, nhiều DNNVV còn hoạt động theo hình thức tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, không có kế hoạch, chiến lược cạnh tranh cụ thể.

Thứ bảy, do quy mô DN nhỏ, nguồn tài chính hạn chế, DN chưa quan tâm đúng mức tới việc cập nhật công nghệ mới.

CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI TỈNH PHÚ THỌ

4.1. Quan điểm, định hướng, cơ hội và thách thức trong nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Phú Thọ

4.1.1. Bối cảnh kinh tế xã hội của tỉnh

4.1.2. Quan điểm, định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2025 - 2030

- Mục tiêu phát triển DNNVV của Việt Nam
- Quan điểm
- Định hướng
- Yêu cầu

4.1.3. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Phú Thọ trong nâng cao năng lực cạnh tranh

4.1.3.1. Cơ hội

4.1.3.2. Thách thức

4.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Phú Thọ

4.2.1. Mở rộng thị phần cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Phú Thọ

Có nhiều cách để gia tăng thị phần cho DN, một số cách phổ biến các chủ kinh doanh có thể áp dụng là: Nâng cao dịch vụ và sản phẩm của DN. Đa dạng sản phẩm/dịch vụ. Khai thác thị trường mới. Marketing đa kênh. Nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng. Cải tiến và đổi mới công nghệ.

4.2.2. Phát triển sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp phù hợp nhân lực, điều kiện tỉnh Phú Thọ

Các DN cần sản xuất những sản phẩm có chất lượng với mẫu mã bắt mắt, đầy đủ các loại sản phẩm để đáp ứng được các đối tượng người tiêu dùng, hạn chế các chi phí không cần thiết để có giá bán hợp lý. Bên cạnh đó các DN cần phải nghiên cứu thực hiện xây dựng uy tín thương hiệu riêng cho sản phẩm của DN. Chi tiết bao gồm: Nâng cao chất lượng sản phẩm; Đa dạng hóa, chủng loại sản phẩm; Đổi mới và tạo được sự hấp dẫn bao bì, mẫu mã sản phẩm; Chiến lược giá bán sản phẩm; Xây dựng thương hiệu DN.

4.2.3. Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Các DNNVV trên địa bàn cần chủ động trong việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ. Các DNNVV cần có tư duy và chiến lược đúng đắn trong đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ phù hợp với khả năng của đơn vị mình, đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ. DN luôn xây dựng các kế hoạch và chủ động nguồn lực phục vụ cho quá trình sản xuất (cung ứng) sản phẩm, dịch vụ linh hoạt trước sự thay đổi của môi trường kinh doanh. DN cần chú trọng vào đầu tư quy trình công nghệ sản xuất (cung ứng) sản phẩm, dịch vụ hiện đại và phù hợp với quy mô của DN để có thể sản xuất (cung ứng) ra những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường.

DN cần quan tâm và tham gia vào các liên kết chuỗi như liên kết chuỗi giá trị của DN, nhà cung cấp, kênh phân phối và chuỗi giá trị người mua.

4.2.4. Nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Để nâng cao năng lực tài chính của DNNVV, DN cần Chủ động huy động nguồn vốn, duy trì và tăng quy mô vốn. Để DNNVV huy động nguồn vốn, duy trì và tăng quy mô vốn của DNNVV cần thực hiện: (1) Thành lập quỹ bảo lãnh cho các DNNVV ở Phú Thọ. (2) Đẩy mạnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các DNNVV. (3) Trích nguồn vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm cho một số DNNVV khó khăn; (4) Nâng cao trách nhiệm, trình độ thẩm định dự án của cán bộ tín dụng để hoàn thành tốt kế hoạch nâng cao NLCT cho các DN vừa và nhỏ của tỉnh Phú Thọ. (5) Tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình tài chính hiện có và năng lực, sở trường của DN. (6) Đổi mới hệ thống quản trị nội bộ, tăng cường công tác phân tích, lập kế hoạch chiến lược, tăng cường quản lý tài chính... (7) Hiểu rõ tình trạng luân chuyển dòng tiền và vấn đề thâm hụt vốn lưu động, giải phóng tiền mặt từ các hóa đơn xuất khẩu, nâng cao hiệu quả các khoản thu, giảm chi phí xử lý thanh toán, tận dụng nguồn vốn dư thừa mà vẫn đảm bảo khả năng tiếp cận tiền mặt, giảm rủi ro và duy trì lợi nhuận...

4.2.5. Nâng cao năng lực quản trị điều hành của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Cải thiện công tác tổ chức quản lý, nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ quản lý của các DNNVV

Mỗi DNVVN cần có phương hướng phát triển thông qua các kế hoạch, chiến lược, tầm nhìn, sứ mệnh hoạt động cụ thể.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên.

Sử dụng hiệu quả và nâng cao chất lượng lao động

4.2.6. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ

- Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn về công nghệ, ứng dụng công nghệ trong khai thác, sản xuất:

- Để tiến hành hoạt động đổi mới công nghệ cho DNNVV, cần thực hiện như sau: Một là, đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ đối với DNNVV. Hai là, xây dựng cơ sở dữ liệu về

công nghệ mới, công nghệ tiên tiến và lực lượng chuyên gia công nghệ. Ba là, tăng cường hỗ trợ chuyển giao công nghệ đối với các DNNVV. Bốn là, nâng cao tiềm lực tài chính cho các DNNVV. Năm là, tăng cường liên kết, hợp tác với các DNNVV có vốn FDI

4.3. Kiến nghị

4.3.1. Đối với Các cơ quan nhà nước

Để giúp DN nâng cao năng lực cạnh tranh, Nhà nước đẩy mạnh hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế chính sách đối với DN. Thứ nhất, tạo môi trường về pháp luật và các cơ chế, chính sách thuận lợi cho DNNVV thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh. Thứ hai, khuyến khích và tạo điều kiện để khu vực tư nhân tham gia ngày càng cao vào công tác hỗ trợ DNNVV. Thứ ba, đa dạng hóa các kênh tiếp cận vốn cho DNNVV. Thứ tư, khuyến khích, hỗ trợ DNNVV đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến. Thứ năm, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Thứ sáu, đẩy mạnh hỗ trợ thông tin thị trường và xúc tiến thương mại cho các DN.

4.3.2. Đối với các Sở ban ngành thuộc tỉnh Phú Thọ

- Đối với Sở Kế hoạch và đầu tư
- Đối với Sở Tài chính
- Đối với Sở Khoa học& Công nghệ
- Đối với Sở Công thương

4.3.3. Đối với Hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Phú Thọ

Hiệp hội cần tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, kiện toàn bộ máy lãnh đạo. Quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc tham gia, cuộc cách mạng công nghệ 4.0, thúc đẩy phát triển DN thông minh, phát triển nền kinh tế số trong toàn hệ thống chính trị và DN. Tiếp tục tổ chức hoạt động kết nối DN trong Hiệp hội nhằm tạo cơ hội đầu tư, cơ hội sản xuất kinh doanh, kết nối các DN hội viên với các tổ chức tín dụng, ngân hàng trên địa bàn. Tích cực vận động các DN hội viên tham gia các hoạt xã hội từ thiện góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

KẾT LUẬN

Khu vực DNNVV chủ yếu thuộc thành phần kinh tế ngoài nhà nước gồm 5 loại hình DN là DN tư nhân, công ty TNHH tư nhân, công

ty hợp danh, công ty cổ phần có vốn nhà nước và công ty cổ phần không có vốn nhà nước. DNNVV được coi là một trong bốn động lực tăng trưởng và cũng là “trụ cột” của nền kinh tế.

(i) Cạnh tranh là hoạt động tranh đua giữa những người sản xuất hàng hóa, giữa các thương nhân, các nhà kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, bị chi phối bởi quan hệ cung cầu, nhằm giành các điều kiện sản xuất, tiêu thụ và thị trường có lợi nhất.

(ii) Thực trạng về NLCT của các DNNVV ở Phú Thọ, DNNVV tỉnh Phú Thọ đã có những bước phát triển, tạo được sức cạnh tranh và tạo được vị thế của mình trên thị trường trên từ các khía cạnh khác nhau. Nhìn chung DNNVV ở Phú Thọ sản xuất kinh doanh có lợi nhuận nhưng đang ở mức trung bình. Nhiều DN chưa xây dựng dựng hệ thống phân phối tốt. DN chưa đầu tư mạnh vào việc nghiên cứu và phát triển thị trường. Chưa cố gắng tìm các nguồn tài chính và nhân lực tốt từ ưu đãi của tỉnh. Các DN đã sử dụng hoạt động quảng bá sản phẩm bằng các hình thức như quảng cáo, internet, poster... nhưng mức sử dụng còn thấp, chi phí đầu tư cho quảng cáo còn quá thấp, chỉ chiếm 0,65% so với tổng doanh thu.

(iii) Năng lực cạnh tranh của DNNVV ở Phú Thọ đang chịu ảnh hưởng bởi gồm 2 nhóm chính là yếu tố bên trong DN và yếu tố bên ngoài DN. Các yếu tố bên trong DN gồm yếu tố tài chính, nguồn nhân lực, kinh phí đầu tư cho công nghệ vào sản xuất, mặt bằng kinh doanh. Các yếu tố bên ngoài gồm các chính sách nhà nước như chính sách môi trường kinh doanh, chính sách tài chính, thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng và nguồn cung cấp thông tin cho DN. Qua phân tích chạy hàm các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu ROA và ROE cho thấy 2 nhóm yếu tố tác động ngược chiều nhau: (i) nhóm yếu tố tác động tích cực gồm quy mô DN, vị trí của DN; khả năng huy động vốn của DN, DN có hệ thống phân phối; (ii) các yếu tố tác động tiêu cực gồm tỷ lệ vốn vay/vốn chủ sở hữu, tỷ lệ vốn cố định/tổng tài sản.

(iv) Để nâng cao NLCT cho các DNNVV ở Phú Thọ, tác giả đề xuất các nhóm giải pháp: (+) Phát triển sản phẩm, dịch vụ của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; (+) nâng cao năng lực về tài chính; (+) Giải

pháp về công nghệ cho các DNNVV ở tỉnh Phú Thọ; (+) Phát triển nhân lực và nâng cao năng lực quản lý cho các DNNVV ở tỉnh Phú Thọ; (+) Nâng cao khả năng nghiên cứu và phát triển thị trường (+) giải pháp về chính sách và thể chế của tỉnh dành cho các DNNVV.